TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THẠCH AN
TỈNH CAO BẰNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 06/2020/TCDS-ST
Ngày 24/9/2020
V/v: Đòi bồi thường thiệt hại hoa màu, cây cối và tranh chấp đất đai.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH AN

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hương
Các Hội thẩm nhân dân:
1, Ông Ngô Văn Hoàn
2, Bà Nguyễn Thị Hằng
Thư ký phiên toà: Ông Nông Văn An - Thẩm tra viên Toà án nhân dân huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng;
Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch An tham gia phiên toà: Ông Đàm Hải Thao - Kiểm sát viên.
Ngày 24/9/2020 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thạch An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 04/2011/TLST- TCDS ngày 25 tháng 7 năm 2011. Về việc Đòi bồi thường thiệt hại hoa màu, cây cối và tranh chấp đất đai. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2020/ QĐXX- ST ngày 04 tháng 9 năm 2020. Giữa các đương sự:
1- Nguyên đơn: Nông Thanh N - Có mặt
2- Bị đơn: Nông Văn P - Có mặt
Cùng địa chỉ: Bản S, xã K, huyện T, tỉnh C.
3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:
Trương Thị B, Nông Văn Th, Nông Văn M, Nông Văn T - Có mặt. Lại Thị P - Vắng mặt.
Cùng địa chỉ: Bản S, xã K, huyện T, tỉnh C
- Đại diện Ủy ban nhân dân huyện T: Ông Lộc Văn D - Công chức phòng Tài nguyên - Môi trường huyện - Có mặt;
- Đại diện Ủy ban nhân dân xã Kim Đồng: Ông Đinh Ngọc B - Chủ tịch UBND xã K - huyện T - Có mặt.
Người làm chứng:
1 - Vương Văn T - Có mặt
2 - Vương Văn N - Có mặt

3 - Vương Văn N - Có mặt
4 - Vương Xuân T - Có mặt
5 - Nông Văn M - Có mặt
6 - Nông Văn B - Vắng mặt
7 - Nguyễn Quảng Đ - Có mặt
8 - Sầm Văn D - Vắng mặt
9 - Nông Thanh H - Có mặt
10 - Trương Thị H - Vắng mặt

Cùng địa chỉ: Bản S, xã K, huyện T, tỉnh C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa Nguyên đơn Nông Thanh N trình bày: Gia đình ông có thửa đất có tên gọi là Đ, tại B, xã K, huyện T, tỉnh C, thuộc thửa đất số 3, tờ bản đồ số 107, diện tích 10.168,4 m2, mục đích sử dụng là đất vườn, đã được Ủy ban nhân dân huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: V 394506, cấp ngày 20/7/2002, vào sổ cấp GCNQSD đất số: 00483- QSDĐ/số: 324/QĐ-UB-H/2-2002, đứng tên ông Nông Thanh N, địa chỉ: B, xã K, huyện T, tỉnh C. Gia đình ông đã quản lý sử dụng từ thời ông cha và nay đã giao cho ông quản lý. Đến năm 2008 ông Nông Thanh N không ở nhà thì ông Nông Văn P đem máy múc san ủi, phá hoại hoa màu nhiều lần, gia đình ông đã bắt quả tang và lập biên bản hiện trường gia đình ông P phá hoại tài sản trên đất (cây cối và hoa màu). Cụ thể:

1. **Biên bản hiện trường lập ngày 24/5/2010** gồm: 04 khóm tre; 01 (một) cây gỗ gạo đường kính 72 cm; 01 (một) cây Xạ Chàm đường kính 69 cm; 01 (một) cây gỗ xoan đường kính 21 cm, 01 (một) cây bồ kết đường kính 70 cm và phá hoại 4000 m2 đất đã trồng cây mỡ năm 1997.

2. **Biên bản hiện trường lập ngày 17/4/2011** gồm: Phá hoại mùa màng và cây tre: Đám nương có chiều ngang 17 m dọc 12m là khoảng 204 m2 ông Nhã trồng ngô đang mọc mầm, có lót lân. Vợ ông Phúng đào bới, vứt hạt giống ngô, vợ ông Nhã ra bắt gặp (có sơ đồ kèm theo).

- Bên trên đám nương ngô, lên sườn đồi khoảng 70 m có chặt bụi tre gai 5 cây ở giữa đám nương. Đám nương chiều ngang khoảng 80m, chiều dọc khoảng 13m.

- Đám nương ngô mặt bằng cách bậc ta luy dương là đám nương sườn đồi bị đào bới 15 hốc ngô.

3. **Biên bản hiện trường lập ngày 20/6/2011** gồm: Ngô đã thành bắp sắp được thu hoạch. Đám dưới: 374 hốc x 2 cây = 748 cây; Đám dưới: 35 hốc x 2 cây = 70 cây. **Tổng cộng là 818 cây.**

4. **Biên bản hiện trường lập ngày 13/9/2011** gồm: Phát Ngô và nhổ cây Mỡ

Ngô đã vun xong cây cao từ 60 – 70 phân là 480 hốc x 2 = 960 cây; Cây Mỡ trồng từ tháng 2 năm 2011 cây cao từ 60 – 70 phân nhổ 114 cây. Trồng xen trong đám ngô. Đám trên phát đi 04 hốc = 08 cây.

5. Bảng kê chi tiết phá hoại cây và hoa màu lập ngày 29/5/2010:

- Chặt phá đốt 04 khóm tre, mỗi khóm 2.000.000,đ x 4 = 8.000.000,đ

- Chặt đổ 01 cây gạo to đường kính 70cm khoảng 02 khối gỗ, một khối 1.500.000,đ x 2 = 3.000.000,đ;

- Chặt đổ 01 cây xạ xàm to đường kính 69 cm, 02 khối gỗ, một khối 1.500.000,đ x 2 = 3.000.000,đ;

- Chặt gẫy 01 cây xoan đường kính khoảng 21 cm, khoảng 01 m3 gỗ x 1.800.000,đ.

- Chặt xung quanh 01 cây bồ kết nay đã chết chưa đổ đường kính 70cm, mỗi năm thu hoạch được 100 kg bán mỗi cân 5.000,đ. Sống 10 năm nữa thì 100 kg x 5.000,đ x 10 năm = 5.000.000,đ. Cây gỗ bán củi chưa tính.

- Chặt phá đốt sạch cây Thông và Mỡ trương trình Fam 5322. Trung bình 1m2 x 04 cây: 4000m2 : 4 = 1.000,0 cây (Mỗi cây cao khoảng 02 m). Yêu cầu trả mỗi cây 60.000,đ x 1.000 cây = 6.000.000,đ.

Tổng cộng: 26.800.000,đ.

Nay ông Nông Thanh N yêu cầu ông Nông Văn P bồi thường toàn bộ thiệt hại về cây cối và hoa màu theo bảng kê lập ngày 17/02/2020 như sau:

Tại biên bản lập ngày 24/5/2010:

01 (một) cây gạo gốc đường kính 72 cm = 3,434 m3 x 1.500.000,đ/m3 = 5.151.000,đ (Năm triệu một trăm năm mươi mốt nghìn đồng).

01 (một) cây Xạ Chàm gốc đường kính 69 cm = 2,551 m3 x 1.200.000,đ/m3 = 3.061,đ (Ba triệu không trăm sáu mươi mốt nghìn đồng).

01 (một) cây Xoan đường kính gốc 21 cm = 0,158 m3 x 3.200.000,đ = 569.000,đ (Năm trăm sáu mươi chín nghìn đồng).

01 (một) cây Bồ Kết đường kính gốc 70 cm = 1,954 m3 x 3.000.000,đ/m3 = 5.862.000,đ (Năm triệu tám trăm sáu mươi hai nghìn đồng).

Năm 1997 trồng cây Mỡ theo chương trình Fam 5322, đã bị phá hoại 4.000,0 m2 = 1000 cây x 38.500đ/cây = 38.500.000,đ (Ba mươi tám triệu năm trăm nghìn đồng).

Tại biên bản lập ngày 17/4/2011:

02 (Hai) túi lân bón lót 02 túi x 125.000,đ = 250.000,đ (Hai trăm năm mươi nghìn đồng).

Đám dưới 17 x 12 m = 204 m2 x 12 = 2448 cây x 1500 cây = 3.672.000,đ (Ba triệu sáu trăm bảy mươi hai nghìn đồng).

Đám trên 18 x 13 m = 15 hốc x 02 cây = 30 cây = 450.000,đ (Bốn trăm năm mươi nghìn đồng).

Chặt 05 cây tre x 10.000,đ = 50.000,đ (Năm mươi nghìn đồng).

Tại biên bản lập ngày 20/6/2011:

Chặt phát Ngô 409 hốc x 02 cây = 818 cây x 1.500,đ = 1.227.000,đ (Một triệu hai trăm hai mươi bảy nghìn đồng).

Tại biên bản lập ngày 13/9/2011:

Chặt phá ngô 480 hốc x 02 cây = 960 cây x 1.500,đ = 1.440.000,đ (Một triệu bốn trăm bốn mươi nghìn đồng).

Phá hoại từ ngày 02/5/2010 đến ngày 13/9/2011 là: 60.232.600,đ (Sáu mươi triệu hai trăm ba mươi hai nghìn sáu trăm đồng).

Phí tổn hại cây ngày 24/5/2010 đến nay là 10 năm, mỗi năm cây phát triển phí tổn 1.000.000,đ.

Vậy 10 năm = 10.000.000,đ + 62.232.600,đ = 70.232.600,đ (Bảy mươi triệu hai trăm ba mươi hai nghìn sáu trăm đồng).

Ngoài ra ông không có yêu cầu gì thêm.

Bị đơn: Nông Văn P trình bày và có yêu cầu: Thửa đất đang tranh chấp giữa tôi (P) và ông Nông Thanh N có nguồn gốc như sau: Năm 1991 ông Hoàng Văn Ph (con ông Hoàng Văn R) chuyển nhượng đất, nhà và cây quả cho tôi (Phúng) có giấy mua bán lập ngày 09/7/1991 với diện tích khoảng 2.000,0 m2, gia đình tôi đã quản lý, sử dụng ổn định, liên tục và thu hái quả, cây trồng trên đất không xảy ra tranh chấp. Đến năm 2008 gia đình tôi có chặt cây tại khu vực đất thổ công, để san ủi đất làm nền nhà, ông N thấy tôi mời thầy đến làm lễ tạ thổ công mới chặt cây và san ủi đất, khi đó ông N biết còn đến xem ông không có ý kiến gì, đến khi gia đình tôi (P) xây kè đất để làm nền nhà thì ông N đến tranh chấp, cho là gia đình tôi (P) chặt phá cây của ông N. Còn đối với hoa màu (Ngô) gia đình ông N trồng trên diện tích đất bằng nền nhà cũ của ông Ph chuyển nhượng cho tôi (P), nên gia đình tôi mới nhổ. Ngoài ra gia đình ông N không trồng ngô tại vị trí đất nào khác.

Đối với khu vực đất xây dựng thổ công là nơi thờ tâm linh của các hộ gia đình ông R (bố đẻ ông Ph), ông K, ông L, ông C, ông Đ và các hộ gia đình khác thờ cúng, các hộ gia đình này đã quản lý khu vực đất thổ công này từ lâu. Khi ông Ph (con trai ông R) chuyển nhượng đất cho ông P năm 1991 không đo đạc cụ thể mà chỉ ước khoảng 2.000,0 m2, khi chuyển nhượng nhà và đất ông Ph đã chỉ ranh giới đất cho ông P như sau: Phía Đông giáp nhà ông C, phía Tây từ sau nhà lên tới đỉnh, phía Bắc giáp chuồng trâu ông K (bố anh D), phía Nam giáp vườn quả của Hoàng Văn M vợ Trương Thị H. Khi chuyển nhượng nhà và đất giữa hai bên có lập văn bản "Giấy bán nhà và hoa quả" ngày 28/5 âm lịch Tân Mùi, có người làm chứng, có xác nhận chính quyền địa phương.

Nay ông N khởi kiện đến Tòa án nhân dân huyện T yêu cầu gia đình ông P phải bồi thường cây cối và hoa màu trên đất theo bảng kê với tổng tiền bồi thường là 70.232.600,đ (Bảy mươi triệu hai trăm ba mươi hai nghìn đồng) ông không nhất trí.

Ông P yêu cầu Tòa án giải quyết được quyền quản lý, sử dụng diện tích đất ông Ph năm 1991 đã chuyển nhượng cho ông, ngoài ra ông không yêu cầu gì thêm.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Trương Thị B yêu cầu ông P bồi thường cho gia đình bà như bảng kê đã lập ngày 17/02/2020 với tổng số tiền là 70.232.600,đ (Bảy mươi triệu hai trăm hai mươi ba nghìn sáu trăm đồng). Ngoài ra không yêu cầu gì thêm.

- Nông Văn M, Nông Văn T, Nông Văn Th có yêu cầu được quản lý, sử dụng thửa đất mà gia đình đã nhận chuyển nhượng với ông Ph và không nhất trí bồi thường thiệt hại cây cối và hoa màu như bảng kê ngày 17/02/2020 với tổng số tiền 70.232.600,đ (Bảy mươi triệu hai trăm hai mươi ba nghìn sáu trăm đồng) mà ông Nông Thanh N và bà Trương Thị B đã yêu cầu.

Các biên bản hiện trường người làm chứng khai:

Biên bản hiện trường lập ngày 24/5/2010, không đến hiện trường đo đếm cây cụ thể, lập biên bản tại nhà anh H (con cả ông N), do ông N đọc cho viết biên bản hiện trường; Bảng kê chi tiết lập ngày 29/5/2010 người lập biên bản khẳng định không được lập, không có mặt, nhưng không biết lý do gì mà có chữ ký của người lập biên bản dưới chữ tổ hòa giải; Biên bản hiện trường lập ngày 17/4/2011 số cây ngô bị đào bới tại vị trí đất bằng là 15 hốc, còn phía bên trên rậm rạp có bụi tre bị chặt, và ngô bị đào bới không biết người phá. Nay ông N kê có 2448 cây ngô trên diện tích 204 m2, số liệu này ông Nhã lấy ở đâu không biết, trên thực tế không có. Biên bản hiện trường lập ngày 20/6/2011 không phải chữ ký của người lập biên bản, không phải chữ viết của ban mặt trận thôn lập; Biên bản hiện trường ngày 13/9/2011 có được lập biên bản tại hiện trường gia đình ông N trồng Ngô xen lẫn cây Mỡ trên diện tích đất bằng ông P đã san ủi, nhưng số lượng Ngô bị phá không nhiều như vậy. Ngoài ra gia đình ông N không trồng tại vị trí nào khác.

Đối với cây Mỡ năm 1997 gia đình ông N trồng theo chương trình Fam 5322, ông N kê 1000 (Một nghìn) cây vị trí trồng tại đằng sau nhà anh T là không đúng, tại thời điểm năm 1997 trồng cây theo chương trình Pam 5322 tại thôn mỗi hộ gia đình chỉ được nhận 300 cây, gia đình ông N trồng vị trí tại đằng sau nhà anh H (con ông N).

Đối với số cây bị chặt tại khu vực đất Thổ công, thổ công đã được xây dựng từ lâu đời thuộc nhóm hộ gia đình ông ông R (bố ông Ph), ông C, ông K, ông Đ và các hộ gia đình khác quản lý, chứ không thuộc gia đình ông Nông Thanh N quản lý.

Ngày 04 tháng 5 năm 2020 Tòa án nhân dân huyện T đã tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ thửa đất:

Ông Phúng xác định ranh giới, vị trí tranh chấp:

Vị trí thứ nhất là phía Bắc giáp chuồng trâu nhà ông Sầm Văn D (Con ông K), vị trí thứ hai là bụi tre số 1 (phía trên thổ công), lên phía đỉnh đồi là bụi tre sô 2 (phía Tây – Bắc) và 02 bụi tre giáp đất ông P, phía Nam giáp khe nước và giáp đất ông Hoàng Trường M (vợ Trương Thị H), phía Đông giáp đất ông Hoàng Văn B (Con ông C).

Ông Nông Thanh N xác định ranh giới vị trí tranh chấp gia đình ông N đã chôn cột bê tông rào bằng dây thép gai: Hiên trang thửa đất có 01 bụi tre gai (nhỏ), 01 cây sâu sâu đường kính gốc khoảng 30 cm, 01 cây quýt, 01 cây Lầm càng đường kính

khoảng 30 cm, 03 cây Mỡ đường kính gốc khoảng 12 – 20 cm và cây Keo ông N mới trồng.

Xem xét xác định vị trí các gốc cây đã bị chặt: Trong khu vực đất Thổ công có 01 gốc cây hình ô van cao khoảng 20 cm phía trước thổ công nguyên đơn và bị đơn đều không xác định được là chủng loại là cây gì; phía sau thổ công có 01 gốc cây bồ kết đã bị chặt cao cách mặt đất khoảng 1,2 m đường kính gốc 20 – 25 cm; còn gốc cây xoan và cây Chạ Chàm đương sự đều không xác định được vị trí, tại thực địa cũng không thấy gốc cây.

Sau khi xem xét thẩm định tại chỗ cơ quan chuyên môn đo đạc diện tích đất ông Ph chuyển nhượng cho ông P năm 1991 là 2000, m2 xác định trên bản đồ và thực địa thấy ông Nông Thanh N đã dựng cột Bê tông rào bằng thép gai sát nhà xây cấp bốn anh T (con ông P) với diện tích 187,0 m2 đất ông P đã san ủi bằng làm nền nhà. Hai bên đương sự thống nhất ông N gỡ bỏ hàng rào bê tông, thép gai và chuyển toàn bộ cây keo mới trồng ra khỏi diện tích đất bằng mà ông P đã san ủi và chuyển cây keo mới trồng sang vị trí đất khác. Ngoài diện tích khoảng 2000 m2 đất ông P nhận chuyển nhượng với ông Ph năm 1991, ông N đã dựng cột Bê tông và rào bằng dây thép gai cả khu vực đất thổ công.

Ngày 12 tháng 6 năm 2020 Toà án nhân dân huyện T đã có văn bản số: 211/2020/CV-TA, xin ý kiến UBND huyện T về đất tranh chấp giữa nguyên đơn Nông Thanh N và bị đơn Nông Văn P, UBND huyện T trả lời bằng văn bản số: 683/UBND-TNMT, ngày 29/6/2020, như sau:

Việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 3, tờ bản đồ số 107, diện tích 10.168,4 m2 cho hộ gia đình ông Nông Thanh N không có sự nhầm lẫn giữa đất gia đình ông N với đất gia đình ông P vì thời điểm kê khai không có tên ông Nông Văn P kê khai thửa đất số 3, tờ bản đồ số 107, diện tích 10.168,4 m2.

Tất cả các thửa đất của hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư mà trước năm 2008 đã được cấp GCNQSD đất. Nay vẫn chưa được cấp có thẩm quyền cấp đổi lại thì GCNQSD đất đó vẫn còn có hiệu lực.

Gia đình ông P chưa được cấp GCNQSD đất, diện tích đất ông Ph chuyển nhượng cho ông P năm 1991 (Có giấy tờ chuyển nhượng, UBND xã xác nhận theo luật đất đai năm 2003) được xác định nằm trong thửa đất số 171, diện tích 341.767,0 m2 thuộc đất rừng tờ bản đồ số 01 là đất Cộng đồng xóm Bản Sộc. Nay ông P yêu cầu được quyền quản lý, sử dụng diện tích đất ông P nhận chuyển nhượng với ông Ph là phù hợp theo quy định của pháp luật. Vì thửa đất số 171, diện tích 341.767,0 m2 là đất Cộng đồng thôn B trong đó có cả hộ gia đình ông Nông Văn P.

- Ông N yêu cầu ông P bồi thường cây Gạo, cây Chạ Chàm, Cây Bồ kết, cây Xoan trong khu vực đất Thổ công không thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND huyện, vì đây là tài sản trên đất.

- Việc ông Nhã yêu cầu được quyền quản lý sử dụng đất khu vực thổ công của nhóm hộ gia đình trong thôn: Thổ công đã có từ lâu đời, với diện tích nhà thổ công 1,2 m2. Từ lúc đo đạc đất ở Nông thôn năm 2001 phần diện tích đất Thổ công không đo đạc, không có số thửa, diện tích cụ thể nhưng vẫn nằm trong thửa đất số 3 tờ bản

đồ số 107 (Bản đồ đo đạc năm 2001; theo bản đồ đất rừng đo vẽ năm 2006 thì thuộc thửa đất số 171, tờ bản đồ số 01), do đó không có căn cứ để quản lý. Việc ông N yêu cầu quản lý đất thổ công phải căn cứ vào thời điểm lập thổ công và quá trình sử dụng đất của nhóm hộ thôn B, xã K.

- Việc ông Nhã yêu cầu được quyền quản lý thửa đất số 3, tờ bản đồ số 107, diện tích 10.168,0 m2 (Đất vườn) nằm trong phần diện tích thửa đất số 171, diện tích 341.767m2 (đất rừng) là phải thực hiện theo quy định của luật đất đai và cung cấp các giấy tờ có liên quan theo điều 100 luật đất đai năm 2013 để được xem xét theo quy định của pháp luật.

Ngày 18/6/2020 Tòa án nhân dân huyện T tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Nguyên đơn Nông Thanh N và người có Quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Trương Thị B vẫn giữ nguyên quan điểm khởi kiện ban đầu yêu cầu gia đình ông Nông Văn P bồi thường thiệt hại cho gia đình ông theo bảng kê ngày 17/02/2020 với tổng số tiền là 70.232,0 đ (Bảy mươi triệu hai trăm ba mươi hai nghìn đồng). Bị đơn Nông Văn P và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Nông Văn T, Nông văn Th, Nông Văn M không nhất trí bồi thường theo yêu cầu của ông Nông Thanh N. Về phần đất bị đơn yêu cầu được quyền quản lý, sử dụng diện tích đất ông mà ông đã nhận chuyển nhượng với ông Ph. Hiện trạng ranh giới thửa đất ông N đã tự nguyện di dời cột bê tông và hàng rào dây thép gai ra khỏi diện tích đất mà gia đình ông P đã san ủi làm nền nhà.

Đại diện Ủy ban nhân dân huyện T:

Do thổ công là miếu thờ theo phong tục địa phương chưa được đo đạc cấp đất riêng, nên thuộc bìa đỏ của các hộ gia đình có đất liền kề. Nhưng việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các hộ này không làm phát sinh quyền sở hữu của người có quyền sử dụng đất. Mà đất thổ công vẫn thuộc cộng đồng thôn.

Gia đình ông P chưa được cấp GCNQSD đất, diện tích đất ông P chuyển nhượng cho ông P năm 1991 (Có giấy tờ chuyển nhượng, UBND xã xác nhận theo luật đất đai năm 1993) được xác định nằm trong thửa đất số 171, diện tích 341.767,0 m2 thuộc đất rừng tờ bản đồ số 01 là đất Cộng đồng xóm B. Nay ông P yêu cầu được quyền quản lý, sử dụng diện tích đất ông P nhận chuyển nhượng với ông P là phù hợp theo quy định của pháp luật.

Việc ông N yêu cầu được quyền quản lý cây cối tại khu vực đất thổ công, Thổ công đã có từ lâu đời. Từ lúc đo đạc đất ở Nông thôn năm 2001 phần diện tích đất Thổ công không đo đạc, không có số thửa, diện tích cụ thể. Bởi khi đo đạc đất ở nông thôn năm 2001 chưa tách đất xây dựng thổ công, đất mồ mả … nên chưa thể hiện trên bản đồ mà vẫn nằm trong thửa đất số 3 tờ bản đồ số 107 (Bản đồ đo đạc năm 2001; theo bản đồ đất rừng đo vẽ năm 2006 thì thuộc thửa đất số 171, tờ bản đồ số 01), do đó không làm phát sinh quyền sở hữu của người có quyền sử dụng đất, mà phải căn cứ vào thời điểm lập thổ công và quá trình sử dụng đất của nhóm hộ thôn B, xã K. Do vậy ông N yêu cầu được quyền quản lý khu vực đất thổ công và yêu cầu được bồi thường số cây bị chặt tại khu vực đất thổ công là không có căn cứ pháp luật. Mà đất và cây cối tại khu vực đất thổ công thuộc quyền quản lý của cộng đồng.

Đại diện Ủy ban nhân dân xã K,huyện T:

Đối với vị trí đất mà người dân lập miếu (thổ công) thường là khu vực có cây to, thổ công được xây dựng từ lâu đời, khi Tòa án xác minh thu thập chứng cứ tại địa phương và tại phiên tòa người làm chứng đều khai khu vực đất thổ công không thuộc đất của gia đình ông N quản lý mà thuộc nhóm hộ gia đình ông R, ông C, ông K, ông Đ và nhiều hộ gia đình khác quản lý. Đối với hoa màu ông N kê và yêu cầu ông P bồi thường theo bảng kê với tổng số tiền là 70.232.600,đ (Bảy mươi triệu hai trăm ba mươi hai nghìn sáu trăm đồng). Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào thực tế quản lý, sử dụng đất và thực tế thiệt hại xảy ra để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch An tham gia phiên tòa phát biểu và có ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về quan hệ tranh chấp: Đây là vụ án tranh chấp yêu cầu đòi bồi thường thiệt hại cây cối, hoa màu và tranh chấp đất đai giữa nguyên đơn: Nông Thanh N, bị đơn: Nông Văn P. Nhận thấy: Việc chặt cây và hoa màu xảy ra trên thực tế là có thật, nhưng các cây gỗ mà bị đơn chặt không thuộc phần đất của nguyên đơn Nông Thanh N mà thuộc phần đất mà bị đơn nhận chuyển nhượng của ông Hoàng Văn Ph, cây do cộng đồng quản lý.

Việc trồng hoa màu của nguyên đơn Nông Thanh N trên mảnh đất của bị đơn, khi chưa được bị đơn cho phép không được pháp luật bảo vệ. Đối với ông Văn P nhận chuyển nhượng đất với ông Ph năm 1991 có người làm chứng, có xác nhận chính quyền địa phương, là giấy tờ chứng minh nguồn gốc đất phù hợp với quy định pháp luật đất đai.

Bởi vậy có thể khẳng định: Việc ông N yêu cầu gia đình ông Nông văn P bồi thường thiệt hại về cây cối, hoa màu là không có cơ sở; Việc ông Nông Văn P yêu cầu được sử dụng mảnh đất có diện tích khoảng 2.000,0 m2 có được từ nhận chuyển nhượng là có cơ sở.

Căn cứ vào những tình tiết nêu trên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 166 Luật đất đai năm 2013, Khoản 4 Điều 585 Bộ luật dân sự, các Điều 26,35,39, 247, 248, 249, 250, 251 Bộ luật tố tụng dân sự chấp nhận yêu cầu của bị đơn Nông Văn P và bác yêu cầu của nguyên đơn Nông Thanh N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về nguồn gốc: Thửa đất đang tranh chấp giữa Nguyên đơn Nông Thanh N và bị đơn Nông Văn P là diện tích 2.000,0 m2 đất mà ông Phúng nhận chuyển nhượng với ông Ph năm 1991, nằm trong thửa đất số 3, tờ bản đồ số 107, diện tích 10.168,4 m2, đã được UBND huyện T cấp GCNQSD đất năm 2002 đứng tên ông Nông Thanh N là đất vườn. Do khi đo đạc đất ở nông thôn năm 2001 phần diện tích đất này và đất thổ công không đo đạc không có số thửa, diện tích cụ thể, mà khi đo đạc đất ở nông thôn năm 2001 đã bao trùm cả đất của ông P nhận chuyển nhượng với ông Ph, chưa tách đất xây dựng thổ công, đất mồ mả … , năm 2009 Nhà nước cấp lại, cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông Nông Thanh N không kê khai, đối với ông P khi có đoàn đo đạc đến đo gia đình ông P cũng có đến Ủy ban nhân dân xã K kê khai nhưng được trả lời đất đó là đất rừng nên chưa được kê khai. Do vậy hiện nay diện tích đất ông P nhận chuyển nhượng với ông Ph và đất thổ công theo bản đồ đất rừng đo vẽ 2006 thì thuộc thửa đất số 171, tờ bản đồ số 1, diện tích 341.767 m2 thuộc quyền quản lý của cộng đồng. Đối với công văn số 683/UBND – TNMT, ngày 29/6/2020. Diện tích đất ông Ph chuyển nhượng cho ông P năm 1991 (Có giấy tờ chuyển nhượng, UBND xã xác nhận theo luật đất đai năm 1993) được xác định nằm trong thửa đất số 171, diện tích 341.767,0 m2 thuộc đất rừng tờ bản đồ số 01 là đất Cộng đồng xóm B. Nay ông P yêu cầu được quyền quản lý, sử dụng diện tích đất ông P nhận chuyển nhượng với ông Ph là phù hợp theo quy định của pháp luật. Vì thửa đất số 171, diện tích 341.767,0 m2 là đất Cộng đồng thôn B trong đó có cả hộ gia đình ông Nông Văn P.

Đối với cây cối tại khu vực đất thổ công là của nhóm hộ gia đình trong thôn: Thổ công đã có từ lâu đời, khi đo đạc đất ở Nông thôn năm 2001 phần diện tích đất Thổ công không đo đạc, không có số thửa, diện tích cụ thể Bởi khi đo đạc đất ở nông thôn năm 2001 chưa tách đất xây dựng thổ công, đất mồ mả … nên chưa thể hiện trên bản đồ mà vẫn nằm trong thửa đất số 3 tờ bản đồ số 107 (Bản đồ đo đạc năm 2001; theo bản đồ đất rừng đo vẽ 2006 thì thuộc thửa đất số 171, tờ bản đồ số 01). Do đó ông N yêu cầu được quản lý đối với cây cối tại khu vực đất thổ công là không có căn cứ pháp luật.

[1.2].Về quá trình quản lý sử dụng và kê khai cấp GCNQSD đất: Tòa án nhân dân huyện T tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ đối với những người làm chứng tại địa phương xác định: Gia đình ông Nông Thanh N có thửa đất vườn là thửa số 3, tờ bản đồ số 107, diện tích 10.168,4 m2 đã được Ủy ban nhân dân huyện T cấp GCNQSD đất số V 394506, ngày 20/7/2002, đứng tên ông Nông Thanh N, địa chỉ thửa đất tại: B, xã K, huyện T, tỉnh C.

Năm 1991 ông Nông Văn P nhận chuyển nhượng đất với ông Hoàng Văn Ph khoảng 2000,0 m2, có giấy tờ mua bán nhà, đất và cây ăn quả trên đất, có người làm chứng, có xác nhận của chính quyền địa phương. Tứ cận thửa đất mà ông Ph chuyển nhượng cho ông P: khi chuyển nhượng nhà và đất ông Ph đã chỉ ranh giới đất cho ông P như sau: Phía Đông giáp nhà ông C, phía Tây từ sau nhà lên tới đỉnh, phía Bắc giáp chuồng trâu ông K (bố anh D), phía Nam giáp vườn quả của Hoàng Văn M vợ Trương Thị H. Khi chuyển nhượng nhà và đất giữa hai bên có lập văn bản "Giấy bán

nhà và hoa quả" ngày 28/5 âm lịch Tân Mùi, có người làm chứng, gia đình ông N đã quản lý, sử dụng ổn định không xảy ra tranh chấp. Đến năm 2008 gia đình ông P san ủi đất làm nền nhà do thổ công sát nhà ông P sợ cây đổ xuống nhà nên có mời thầy làm lễ tạ thổ công sau đó mới chặt hạ cây và di dời thổ công lên phía trên một đoạn. Trong khi làm lễ và thi công san ủi nền nhà ông N còn ra xem giữa 2 bên không có tranh chấp xảy ra. Sau một thời gian ông N mới tranh chấp đất với ông P, ông N trồng ngô tại diện tích đất (Bằng) khu vực nền nhà cũ của ông Ph, giữa hai bên tranh chấp đất thì gia đình ông P thấy ông N đã trồng ngô và trồng xen cây Mỡ lẫn sang đất của gia đình ông nên mới phá ngô, cây Mỡ gia đình ông N.

Nay ông Nông Thanh N có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện T giải quyết yêu cầu ông Nông Văn P bồi thường theo bảng kê chi tiết yêu cầu bồi thường thiệt hại cây cối và hoa màu lập ngày 17/02/2020 như sau:

Tại biên bản lập ngày 24/5/2010:

01 Cây Gạo gốc đường kính 72 cm x 3,434 m3 x 1.500.000,đ/m3 = 5.151.000,đ

01 cây Xạ Đàm gốc đường kính 69 cm x 2,551m3 x 1.200.000,đ/m3 = 3.061.000,đ

01 cây xoan đường kính 21 cm x 0,158 m3 x 3.200.000,đ/m3 = 569.000,đ

01 cây bồ kết đường kính 70 cmx 1,954 m3 x 3.000.000,đ/m3 = 5862.000,đ

Năm 1997 trồng cây Mỡ chương trình Fam 5322, diện tích 4000 m2 x 1.000 cây x 38.500đ/ cây = 38.500.000,đ.

Tại biên bản lập ngày 17/4/2011:

02 (Hai) túi lân bón lót 02 túi x 125.000,đ = 250.000,đ (Hai trăm năm mươi nghìn đồng).

Đám dưới 17 x 12 m = 204 m2 x 12 = 2448 cây x 1500 cây = 3.672.000,đ (Ba triệu sáu trăm bảy mươi hai nghìn đồng).

Đám trên 18 x 13 m = 15 hốc x 02 cây = 30 cây = 450.000,đ (Bốn trăm năm mươi nghìn đồng).

Chặt 05 cây tre x 10.000,đ = 50.000,đ (Năm mươi nghìn đồng).

Tại biên bản lập ngày 20/6/2011:

Chặt phát Ngô 409 hốc x 02 cây = 818 cây x 1.500,đ = 1.227.000,đ (Một triệu hai trăm hai mươi bảy nghìn đồng).

Tại biên bản lập ngày 13/9/2011:

Chặt phá ngô 480 hốc x 02 cây = 960 cây x 1.500,đ = 1.440.000,đ (Một triệu bốn trăm bốn mươi nghìn đồng).

Phá hoại từ ngày 02/5/2010 đến ngày 13/9/2011 là: 60.232.600,đ (Sáu mươi triệu hai trăm ba mươi hai nghìn sáu trăm đồng).

Phí tổn hại cây ngày 24/5/2010 đến nay là 10 năm, mỗi năm cây phát triển phí tổn 1.000.000,đ.

Vậy 10 năm = 10.000.000,đ + 62.232.600,đ = 70.232.600,đ (Bảy mươi triệu hai trăm ba mươi hai nghìn sáu trăm đồng).

Bị đơn ông P cũng có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện T giải quyết cho ông được quyền quản lý, sử dụng diện tích đất 2000,0 m2 mà ông Ph đã chuyển nhượng cho ông năm 1991.

Ông N khởi kiện yêu cầu ông P bồi thường thiệt hại cây cối và hoa màu như trên ông không nhất trí.

[2]. Ngày 04 tháng 5 năm 2020 Tòa án nhân dân huyện T đã tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ thửa đất kết quả cho thấy thửa đất.

Phần đất mà ông P nhận chuyển nhượng với ông Ph năm 1991, năm 2008 ông P đã san ủi đất làm nền nhà, một phần đất đã san ủi con ông P đã xây nhà ở, phần còn lại gia đình ông N đã chôn cột xi măng rào bằng dây thép gai sát tường nhà anh T (con ông P), trên nền đất ông N đã trồng cây keo.

Phần đất dựng thổ công xung quanh có cây tự nhiên và có 01 cây bị chặt hiện còn trơ gốc cây hình Ô van (cao cách mặt đất 20 cm) không xác định được chủng loại cây, 01 gốc cây bồ kết đã bị chặt còn chừa phần gốc chiều cao cách mặt đất 1,2 mét, còn cây Xoan, cây Chạ Chàm các đương sự không xác định được gốc cây bị chặt ở vị trí nào, tại thực địa không thấy gốc.

Sau khi xem xét tại thực địa thửa đất gia đình ông N đã rào lấn sang phần đất mà ông Ph đã chuyển nhượng cho ông P (Ông P đã san ủi bằng làm nền nhà), ông N đã chôn cột bê tông rào bằng dây thép gai nền đất ông N trồng cây Keo. Ông N đã tự chuyển cột bê tông, dây thép gai ra khỏi diện tích đất ông P đã san ủi để trả lại đất cho ông P.

Đối với công văn số: 638/UBND-TNMT, ngày 29/6/2020, như sau:

Gia đình ông P chưa được cấp GCNQSD đất, diện tích đất ông Ph chuyển nhượng cho ông P năm 1991 (Có giấy tờ chuyển nhượng, UBND xã xác nhận theo luật đất đai năm 1993) được xác định nằm trong thửa đất số 171, diện tích 341.767,0 m2 thuộc đất rừng tờ bản đồ số 01 là đất Cộng đồng xóm B. Nay ông P yêu cầu được quyền quản lý, sử dụng diện tích đất ông P nhận chuyển nhượng với ông Ph là phù hợp theo quy định của pháp luật.

- Việc ông N yêu cầu được quyền quản lý sử dụng đất, cây cối tại khu vực thổ công của nhóm hộ gia đình trong thôn. Thổ công đã có từ lâu đời. Khi đo đạc đất ở Nông thôn năm 2001 phần diện tích đất Thổ công không đo đạc, không có số thửa, diện tích cụ thể nên vẫn nằm trong thửa đất số 3, tờ bản đồ số 107 (Bản đồ đo đạc năm 2001 của gia đình ông N nhưng việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này không làm phát sinh quyền sở hữu của người có quyền sử dụng đất, mà đất vẫn thuộc cộng đồng quản lý. Theo bản đồ đất rừng đo vẽ năm 2006 thì thửa đất số 3, tờ bản đồ số 107 bản đồ đo đạc năm 2001 thuộc thửa đất số 171, tờ bản đồ số 01). Ông N yêu cầu quản lý cây cối tại khu vực đất thổ công phải căn cứ vào thời điểm lập thổ công và quá trình sử dụng đất của nhóm hộ thôn B, xã K. Việc ông N yêu cầu quản lý khu đất thổ công là không có căn cứ.

Xét ý kiến đại diện Ủy ban nhân dân huyện T, đại diện Ủy ban nhân dân xã K. Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ pháp luật.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điều luật để giải quyết vụ án là phù hợp theo quy định của pháp luật.

Với những căn cứ như trên, Hội đồng xét xử xét thấy:

Đối với thửa đất số 3, tờ bản đồ số 107, diện tích 10.168,4 m2 có nguồn gốc do ông cha để lại, đến năm 2001 ông N đã kê khai và được UBND huyện T cấp GCNQSD đất số: V394506 cấp ngày 20 tháng 7 năm 2002, đứng tên ông Nông Thanh N.

Đối với ông Nông Văn P năm 1991 ông nhận chuyển nhượng nhà và đất với ông Hoàng Văn Ph với diện tích khoảng 2000,0 m2 (khi chuyển nhượng không đo đạc cụ thể) mà hai bên chỉ nhận đất trên thực địa và chỉ ranh giới đất cho nhau, có người làm chứng, có xác nhận của chính quyền địa phương, từ khi nhận chuyển nhượng gia đình ông P quản lý, sử dụng ổn định không có tranh chấp, đến năm 2008 gia đình ông P san ủi đất làm nền nhà do nền nhà sát với thổ công ông sợ cây đổ xuống nhà, nên ông P có mời thầy đến làm lễ sau đó mới chặt cây, san ủi nền, khi thi công ông N biết còn đến xem, ông không có ý kiến gì, đến khi ông P xây kè nền nhà thì mới xảy ra tranh chấp.

Khi xem xét tại thực địa thửa đất gia đình ông N đã rào lẫn sang phần đất mà ông Ph đã chuyển nhượng cho ông P (Ông P đã san ủi bằng làm nền nhà), ông N đã chôn cột bê tông rào bằng dây thép gai, nền đất ông N trồng cây K. Ông N đã tự chuyển cột bê tông, dây thép gai ra khỏi diện tích ông P đã san ủi để trả lại đất cho ông P.

Đối với khu vực đất dựng thổ công Tòa án đã xác minh thu thập chứng cứ người làm chứng đều khai thổ công có từ lâu đời. Các cây cối tại khu vực đất thổ công không phải thuộc gia đình ông N quản lý mà các cây cối tại khu vực đất xây dựng thổ công do nhóm hộ gia đình như ông C, ông L, ông R, ông K và nhiều hộ gia đình trong xóm đã quản lý. Tuy thổ công nằm trong thửa đất số 3, tờ bản đồ số 107 của hộ ông Nông Thanh N quản lý bởi khi đo đạc đất ở Nông thôn năm 2001 phần diện tích đất Thổ công không đo đạc, không có số thửa, diện tích cụ thể. Vì bản đồ chưa tách đất xây dựng thổ công, đất mồ mả … nên chưa thể hiện trên bản đồ. Nhưng không làm phát sinh quyền sở hữu của người có quyền sử dụng đất, mà đất thổ công vẫn thuộc của cộng đồng.

Đối với đất trồng hoa màu (ngô) trồng xen cây Mỡ, gia đình ông N trồng trên diện tích đất mà ông P nhận chuyển nhượng với ông Ph năm 1991, không trồng tại vị trí đất khác. Còn cây Mỡ gia đình ông N trồng năm 1997 theo chương trình Pam 5322 tại thôn mỗi hộ gia đình chỉ được nhận 300 cây, gia đình ông N trồng tại đằng sau nhà anh H con ông N, chứ không phải 1.000 (Một nghìn) cây trồng tại đằng sau nhà anh T (con ông P).

Đối với 05 cây tre ông N yêu cầu ông Phúng bồi thường tại biên bản hiện trường và bảng kê ngày 17/2/2020 có mâu thuẫn về số liệu cây và vị trí trồng.

Xét các biên bản hiện trường mà ông Nông Thanh N cung cấp cho tòa có nhiều mâu thuẫn về vị trí, số liệu cây trồng với lời khai của người làm chứng, có biên bản lập không phải chữ của ban mặt trận thôn, biên bản lập không đo đếm cụ thể, không đến hiện trường lập mà do ông N đọc cho ghi, có biên bản ghi chỉ có 15 hốc ngô

nhưng tại bảng kê có hơn hai nghìn cây. Với những mâu thuẫn như trên khi xác minh thu thập chứng cứ tòa án yêu cầu nguyên đơn cung cấp các biên bản hiện trường bản gốc như Biên bản lập các ngày 24/5/2010, ngày 17/4/2011 và bảng kê chi tiết ngày 29/5/2010 nhưng nguyên đơn không cung cấp được. Đối với vị trí đất trồng hoa màu gia đình ông N đã trồng tại vị trí đất bằng thoai thoải nền nhà cũ và đấtcủa ông Ph mà ông P nhận chuyển nhượng với ông Ph năm 1991.

Với những căn cứ như trên:

Đối với ông Nông Văn P yêu cầu được quyền quản lý, sử dụng diện tích đất khoảng 2000,0 m2 mà ông P nhận chuyển nhượng với ông Ph năm 1991 (Có giấy tờ chuyển nhượng, UBND xã xác nhận theo luật đất đai năm 1993) được xác định nằm trong thửa đất số 171, diện tích 341.767,0 m2 thuộc đất rừng tờ bản đồ số 01 là đất Cộng đồng xóm B. Nay ông P yêu cầu được quyền quản lý, sử dụng Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ, phù hợp theo quy định của pháp luật.

Tứ cận thửa đất: Phía Bắc giáp đất ông K; Phía Đông giáp đất ông C , phía tây giáp đất thổ công và đất ông N, Phía Nam giáp đất bà H

Đối với yêu cầu ông Nông Thanh N và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Trương Thị B yêu cầu ông Nông Văn P bồi thường thiệt hại như bảng kê chi tiết lập ngày 17/2/2020 với tổng số tiền 70.232.600,đ (Bảy mươi triệu hai trăm ba mươi hai nghìn sáu trăm đồng) là không có căn cứ pháp luật. Cần bác yêu cầu của ông Nông Thanh N, bà Trương Thị B.

[3]. Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[4]. Về chi phí xem xét thẩm định: Các bên đương sự phải chịu chi phí thẩm định theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

[1]. Căn cứ các Điều 98,99, Điều 100, 166, Điều 170, 171 và Điều 203 Luật đất đai; Các Điều 584; 585 và Điều 589 Bộ luật dân sự năm 2015.

[2]. Nay xử:

[2.1]. Về đất:

Chấp nhận yêu cầu của ông Nông Văn P được quyền quản lý, sử dụng diện tích 2000,0 m2 đất ông P nhận chuyển nhượng với ông Hoàng Văn Ph năm 1991. Địa chỉ: Bản Sộc, xã Kim Đồng, huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng. Nằm trong thửa đất số 171, diện tích 341.767,0 m2 thuộc đất rừng tờ bản đồ số 01, đất Cộng đồng xóm B.

Tứ cận tiếp giáp: Phía Bắc tiếp giáp với đất ông K (nay là anh D); Phía Nam tiếp giáp với đất bà H; Phía Đông tiếp giáp với đất ông C (Nay là anh B); Phía Tây tiếp giáp với đất thổ công và ông N.

[2.2]. Về bồi thường thiệt hại cây cối và hoa màu (ngô):

Bác yêu cầu của ông Nông Thanh N yêu cầu ông Nông Văn P bồi thường thiệt hại tài sản Cây cối và hoa màu với tổng số tiền là: 70.232.600,đ (Bảy mươi triệu hai trăm ba mươi hai nghìn sáu trăm đồng).

Buộc ông Nông Thanh N chấm dứt hành vi lẫn chiếm đất ông Nông Văn P. Dẫn đến vi phạm pháp luật.

[3]. Về án Phí:

Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1, khoản 4, khoản 5 Điều 26, điểm a, khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30 tháng 12 năm 2016, của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Nguyên đơn: Ông Nông Thanh N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 70.232.600,đ x 5% = 3.511.630, đ. (Ba triệu năm trăm mươi một nghìn sáu trăm ba mươi đồng).

Xác nhận ông Nông Thanh N đã nộp 50.000,đ (Năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm tại biên lai số AA/2011/01261, ngày 25/7/2011, của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thạch An. Nay ông N còn phải nộp 3.461.630,đ. (Ba triệu bốn trăm sáu mươi mốt nghìn sáu trăm ba mươi đồng) sung ngân sách Nhà nước.

Ngoài ra ông Nông Thanh N còn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu phản tố của bị đơn Nông Văn P được Tòa án chấp nhận là 300.000,đ (Ba trăm nghìn đồng) sung ngân sách Nhà nước.

[4]. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ thửa đất:

Căn cứ vào các điều 155, 156,157 và Điều 158 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông Nông Thanh N phải chịu tiền chi phí xem xét thẩm định ngày 04/5/2020 là 1.800.000,đ (Một triệu tám trăm nghìn đồng).

Xác nhận Nông Văn P đã nộp tiền tạm ứng chi phí xem xét thẩm định là 1.800.000,đ (Một triệu tám trăm nghìn đồng).

Buộc ông Nông Thanh N phải trả cho ông Nông Văn P tiền chi phí xem xét thẩm định là 1.800.000,đ (Một triệu tám trăm nghìn đồng).

Căn cứ Điều 357 của Bộ luật dân sự: Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi xuất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thoả thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi xuất được quy định tại khoản 1 Điều 468; Nếu không có thoả thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định của tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai, báo cho nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án,

người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN	**THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**
(Đã ký)	**(Đã ký)**
Ngô Văn Hoàn	**Nguyễn Thị Hương**
Nguyễn Thị Hằng	